TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 31/2017/DS-PT
Ngày 12 tháng 9 năm 2017
V/v: *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hàng Lâm Viên

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Được

- Bà Nguyễn Thị Luyến

Thư ký Tòa án: Bà Hán Thị Hồng Đào – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dòng.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2017/TLPT- DS ngày 20 tháng 7 năm 2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2017/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Q - Sinh năm: 1956

Địa chỉ: Thôn A, xã H , huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Huyền T – Sinh năm: 1993. Hợp đồng ủy quyền ngày 09 tháng 8 năm 2017

Địa chỉ: 332 G, phường M , TP.P, tỉnh Ninh Thuận..

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tô V- Sinh năm: 1977.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hàm Z – Sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn H, Xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Giấy ủy quyền ngày 10/4/2017.

Địa chỉ: Khu phố 10, thị trấn D, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Tô V – Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thị trấn D, huyện N, tỉnh Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Năm 2011 bà Nguyễn Thị Q cho bà Nguyễn Thị Tô V vay 150.000.000 đồng không lãi suất, số tiền giao nhận gồm 04 lần:

Lần 1: Vào tháng 5/2011 cho bà V vay 20.000.000đ

Lần 2: Vào tháng 6/2011 cho bà V vay 50.000.000đ

Lần 3: Vào khoảng tháng 7 hoặc tháng 8 (bà Q không nhớ rõ) cho bà V vay 30.000.000đ

Lần 4: Tháng 10/2011 cho bà V vay 50.000.000đ.

Việc cho vay tiền hai bên không làm giấy tờ, các lần giao tiền không có người làm chứng, không quy định thời hạn trả nợ; Hai bên thỏa thuận bằng lời nói khi nào bà Q cần thì bà V sẽ trả. Vào khoảng cuối tháng 11 năm 2011, bà Q yêu cầu bà V trả số tiền 150.000.000đ thì bà V trả lời là chưa có tiền; Bà Q yêu cầu bà V viết giấy vay tiền nội dung "Tôi tên Nguyễn Thị Tô V có vay tiền bà Nguyễn Thị Q số tiền là 150.000.000đ", bà V giao giấy cho bà Q giữ, bà V chỉ viết một bản.

Khoảng 3 hoặc 4 tháng sau, bà V đến nhà bà Q yêu cầu cho xem lại giấy vay tiền. Sau khi xem, bà V đã tự ý viết vào giấy vay tiền nội dung "Số tiền trên tôi mượn giùm cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Tô V1, Nguyễn Văn T1", bà V tự ý viết thêm nội dung trên vào giấy vay tiền bà Q biết và không đồng ý tuy nhiên bà Q không yêu cầu bà V xóa đi hay viết lại. bà Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Tô V phải trả cho bà số tiền đã vay 150.000.000đ. Bà Q không yêu cầu bà V trả lãi suất của số tiền vay.

Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày trình bày:

Bà Nguyễn Thị Tô V và bà Nguyễn Thị Q là giáo viên đồng nghiệp. Năm 2011 bà V có giới thiệu em gái là Nguyễn Thị Tô V1 vay tiền của Q, sau đó bà Q cho bà V1 vay tiền như thế nào bà V không biết. Tháng 10/2014, bà Q gọi điện thoại cho bà V yêu cầu bà V phải trả tiền do bà V1 đã vay vì bà V là chị của bà V1 đồng thời là người đã giới thiệu cho bà V1 vay. Theo yêu cầu của bà Q, bà V đồng ý viết giấy bảo lãnh vay tiền cho bà V1, giấy bảo lãnh có tiêu đề là "Giấy vay tiền", nội dung " Tôi tên Nguyễn Thị Tô V có vay mượn của bà Q số tiền 150.000.000đ".

Năm 2012, bà V đến nhà bà Q và yêu cầu bà Q cho bà V mượn lại giấy vay tiền mà trước đây bà V đã viết, bà bà V đã tự ý viết thêm dòng chữ với nội dung " Số tiền trên tôi mượn giùm cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Tô V1 ông Nguyễn Văn T1" mục đích bà V viết thêm dòng chữ trên là nhằm mục đích để thể hiện rõ việc ai là người vay tiền bà Q. Sau khi bà V viết thêm dòng chữ này thì bà Q biết và không nói gì. Trước yêu cầu khởi kiện của bà Q, bà V có ý kiến như sau:

Bà không đồng ý trả cho bà Q số tiền 150.000.000 đồng vì bà không vay số tiền 150.000.000 đồng của bà Q.

Bản án sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

Căn cứ Điều 471, 474, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 06 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q.

Buộc bà Nguyễn Thị Tô V phải trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 150.000.000đ

Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí; nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 20/6/2017, bà Nguyễn Thị Tô V kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu việc tuân thủ pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa;

- Chứng cứ trong hồ sơ chứng minh bà Nguyễn Thị Tô V là người vay của bà Nguyễn Thị Q số tiền 150.000.000đ nên bà V phải có nghĩa vụ trả cho bà Q.

- Bà V viết thêm nội dung giấy vay tiền không làm thay đổi bản chất nội dung thỏa thuận bà V vay tiền của bà Q. Số tiền bà V1 vay bà Q với số tiền bà V vay bà Q không phải là một.

Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tô V trong thời hạn thực hiện quyền kháng cáo nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút, không thay đổi, không bổ sung yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không rút, không thay đổi, không bổ sung nội dung kháng cáo; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì không đủ chứng cứ chứng minh bà Nguyễn Thị Tô V vay bà Nguyễn Thị Q 150.000.000đ.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tranh luận: Chứng cứ chứng minh bà V vay bà Q 150.000.000đ là giấy vay tiền do bà V viết, ký tên và thừa nhận tại tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn tranh luận: Nội dung, hình thức giấy vay tiền do bà V viết, ký tên chưa được xem là giao dịch dân sự vì không thể hiện ai là người vay tiền và ai là người cho vay tiền; Hợp đồng vay tiền với số tiền lớn nhưng hai bên không lập giấy tờ cho các lần giao tiền; Giấy vay tiền do bà V viết, ký tên là hợp đồng bảo lãnh; Chưa có đủ cơ sở khẳng định bà V có vay tiền của bà Q.

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách đương sự trong vụ án

- Bà Nguyễn Thị Q khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Tô V trả số tiền vay 150.000.000đ; bà V cho rằng số tiền bà Q khởi kiện là do bà V vay giúp bà V1; Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm bà V không yêu cầu bà V1 phải trả số tiền 150.000.000đ nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, không đưa bà V1, ông T1 (chồng bà V1) vào tham gia tố tụng là có căn cứ. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà với bà V là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, loại hợp đồng vay không thời hạn, không có lãi theo quy định tại các Điều 471, 477 khoản 1 của Bộ luật dân sự 2005.

[2]Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tô V

- Bà Nguyễn Thị Tô V kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo.

- Chứng cứ do bà Nguyễn Thị Q cung cấp gồm:

+ "Hợp đồng cho vay tiền" được lập ngày 11/7/2012, bên cho vay là Nguyễn Thị Q, bên vay là ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Tô V1, số tiền vay 150.000.000đ chỉ có chữ ký của ông T1, bà V1.

+ "Giấy vay tiền" không ghi ngày tháng năm, nội dung *"Tôi tên Nguyễn Thị Tô V, có vay mượn cô Nguyễn Thị Q số tiền là 150.000.000đ khi nào bà Q cần thì bà V sẽ trả lại"* có chữ ký của bà V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà V khai: Tháng 10/2014, bà Q yêu cầu bà V trả tiền nên bà V mới viết "Giấy vay tiền"; Khoảng ba đến bốn tháng sau, bà V yêu cầu bà Q cho xem lại "Giấy vay tiền" nên bà V viết thêm nội dung *"Số tiền trên là tôi mượn dùm hai vợ chồng Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Tô V1"*, bà V thừa nhận nội dung viết thêm là năm 2012. Như vậy lời khai của bà V mâu thuẫn về thời gian. Bà Q khai: Cuối tháng 11/2011 bà Q yêu cầu bà V trả tiền nhưng bà V không trả nên bà V viết "Giấy vay tiền"; Khoảng vài tháng sau bà V đến yêu cầu xem lại giấy vay tiền và viết thêm nội dung như đã trình bày. Bà Q không đồng ý nhưng bà V không chịu xóa nội dung đã viết. Như vậy mốc thời điểm vay theo lời khai của bà Q phù hợp sự thật khách quan của vụ án; đủ cơ sở khẳng định số tiền bà V vay bà Q không phải số tiền bà V1 vay bà Q và chuyển nghĩa vụ sang cho bà V như lời trình bày của bà V và bà V1.

- Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án đã triệu tập bà Q hai lần để đối chất làm rõ số tiền vay theo các chứng cứ do bà Q cung cấp để làm rõ số tiền trong hai hợp đồng vay có phải là một hay không nhưng bà Q vắng mặt và ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng, giải quyết vụ án. Tuy nhiên, chứng cứ trong vụ án đã chứng minh được số tiền vay trong hai hợp đồng là khác nhau, cụ thể như sau:

+ "Giấy vay tiền" (BL.12 sơ thẩm) chứa đựng nội dung người vay tiền là bà Nguyễn Thị Tô V, người cho vay tiền là bà Nguyễn Thị Q, số tiền bà V vay của bà Q là 150.000.000đ; bà V thừa nhận nội dung, chữ viết, chữ ký của bà V nên đây là tình tiết không phải chứng minh.

+ Bà Nguyễn Thị Tô V khai: Sau khi viết "Giấy vay tiền" (BL.12), bà V có đến nhà bà Q yêu cầu được xem lại nội dung đã viết, đồng thời viết thêm nội dung:*"Số tiền trên là tôi mượn dùm hai vợ chồng Nguyễn Văn T1, Nguyễn Thị Tô V1"*. Bà V cho rằng nội dung này bà Q không phản đối nên được xem là chứng cứ chứng minh bà vay tiền giùm cho bà V1; Bà V còn cho rằng nội dung này thể hiện bà V bảo lãnh cho bà V1 vay tiền. Lời trình bày của bà V không có căn cứ vì các bên thừa nhận bà Q giao tiền nhiều lần, không lập giấy tờ, không người làm chứng; Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/3/2017 (BL.35 sơ thẩm) bà Nguyễn Thị Tô V1 khai bà Q cho bà V1 vay nhiều lần, không lập giấy tờ, không người làm chứng, các lần bà Q đều giao tiền cho bà V1, chỉ có một lần duy nhất chị V nhận tiền của bà Q thay cho bà V1. Như vậy đủ chứng cứ chứng minh bà V có giao dịch nhận tiền của bà Q. Nội dung viết thêm vào giấy vay tiền cũng chứa đựng nội dung bà V có vay bà Q 150.000.000đ; Bà V cho rằng vay số tiền 150.000.000đ là vay giúp vợ chồng Nguyễn Thị Tô V1, Nguyễn Văn T1 không làm thay đổi nội dung bà V có vay tiền của bà Q; nội dung viết thêm vào giấy vay tiền cũng không phải nội dung bảo lãnh như bà V trình bày.

+ Bà Nguyễn Thị Tô V1 cho rằng thời điểm giao dịch nhận tiền vay của bà Q là tháng 05/2011. Bà Nguyễn Thị Tô V không chứng minh được thời điểm bà viết giấy vay tiền nên lời khai của bà V không có căn cứ để chấp nhận.

- Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án đã tiến hành đối chất giữa bà V1 với bà V, có mặt người đại diện theo ủy quyền của bà V thì các bà V, V1 thống nhất đề nghị Tòa án cho mở lại phiên đối chất để cùng thống nhất bà V1 sẽ trả cho bà Q 150.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng quy định từ năm 2014 đến năm 2016 và hủy hợp đồng vay đối với số tiền 150.000.000đ giữa bà Q với bà V; Nội dung này đã chứng minh mốc thời điểm giao dịch đối với số tiền 150.000.000đ của hai hợp đồng vay thuộc hai thời điểm khác nhau; Số tiền vay trong giấy vay tiền do bà V xác nhận với bà Q không liên quan đến số tiền 150.000.000 theo hợp đồng vay giữa bà V với bà Q.

Từ những phân tích, lập luận nêu trên; HĐXX chấp nhận tranh luận của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; Không chấp nhận tranh luận của đại diện theo ủy quyền của bị đơn; Chấp nhận quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên; Không

chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 08-6-2017 của Tòa án nhân dân huyện N.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 26 khoản 3, Điều 308 khoản 1, Điều 147 khoản 1, Điều 148 khoản 1 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội. Điều 471, Điều 474 khoản 1, Điều 477 khoản 1 của Bộ luật dân sự 2005. Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tô V.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q; Buộc bà Nguyễn Thị Tô V phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 150.000.000đ *(Một trăm năm mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Tô V phải chịu 7.500.000đ *(Bảy triệu năm trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Tô V phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013157 ngày 20/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

- Bà Nguyễn Thị Q được hoàn trả 3.750.000đ *(Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)* tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010866 ngày 09/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N do bà Đạt Thị Thùy T1 nộp thay bà Q.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân
sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 9 năm 2017./.

Nơi nhận:
-Đương sự;
-TAND huyện N (1);
-Chi cục THADS huyện N (1);
-VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
-Phòng GĐKT (1);
-Lưu(HS-AV, Tổ HCTP) (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hàng Lâm Viên